

TAND THÀNH PHỐ L
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2021/HS-ST
Ngày 13-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Tòng Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Hải

Bà Lò Hải Yên

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Hồng Phúc – Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 13/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2021/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HS ngày 3 tháng 8 năm 2021 đối với *bị cáo*:

Họ và tên: **Nguyễn Tiến N**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1991 tại Yên Bái; Nơi ĐKKHKT: Tổ 25, phường L1, thành phố L1, tỉnh L1; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1968, con bà Đinh Thị Bích Ng, sinh năm 1971; Có vợ là Mộc Thị T1, sinh năm 1994 và có 01 con, sinh năm 2013; Anh chị em ruột: Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Tiền sự: không; Tiền án: có 1 tiền án: Bản án số: 123/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Toà án nhân dân thành phố L1, tỉnh L1 đã xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Ngày 19/01/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt. Đến ngày phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích; Về nhân thân: Ngày 04/12/2012 bị Toà án nhân dân tỉnh L1 xử phạt 18 tháng tù về tội: Gây rối trật tự công cộng theo khoản 1 Điều 245 của Bộ luật hình sự; Ngày 30/10/2014 bị Toà án nhân dân thành phố L1, tỉnh L1 xử phạt 12 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự. Bị cáo đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2021sau đó chuyển tạm giam đến ngày 29/6/2021được huỷ bỏ biện pháp tạm giam và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. *Có mặt tại phiên toà.*

- Bị hại: chị Phan Thị D, sinh năm 2000; Nơi ĐKKHKT: xã Huồi S, huyện Tủa C, tỉnh Đ. Tạm trú tại: Tổ 7, phường Tân P, thành phố L, tỉnh L. *Vắng mặt có lý do.*

- Những người làm chứng:

1. Anh Lù Văn H, sinh năm 2001. Trú tại: Bản N, xã Bản G, huyện Tam Đ, tỉnh L. *Vắng mặt không lý do.*

2. Anh Lò Văn T1, sinh năm 1997. Trú tại: Bản C, xã Thân Th, huyện Tân U, tỉnh L. *Vắng mặt không có lý do*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 05/4/2021, Công an thành phố L, tỉnh L nhận được tin báo của chị Phan Thị D về việc: Tối ngày 03/4/2021 chị bị mất 01 chiếc xe máy HONDA VISION, màu vàng nâu, BKS 27B2-03155 ở trước cửa nhà thuộc tổ 7, phường Tân P, thành phố L, tỉnh L. Chị nghi ngờ Nguyễn Tiến N là người lấy trộm xe. Sau khi tiếp nhận tin báo, cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố L tiến hành điều tra, xác minh truy tìm đối tượng.

Đến ngày 06/4/2021, khi Nguyễn Tiến N đang điều khiển chiếc xe máy trên để đi tiêu thụ thì bị cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố L triệu tập về trụ sở làm việc.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Tiến N khai nhận: Do có quen biết từ trước với chị Phan Thị D nên ngày 03/4/2021 Nguyễn Tiến N đến nhà trọ của chị D ở tổ 7, phường Tân P, thành phố L, tỉnh L chơi. Khoảng 19 giờ cùng ngày, chị D đi ra ngoài ăn cơm cùng bạn. Còn N cùng với Lù Văn H, Lò Văn T1 (đều là bạn của chị D) ở lại nhà trọ và ăn cơm cùng nhau. Trong lúc ăn cơm N quan sát thấy trên mặt kệ để tivi có một chiếc chìa khoá xe máy (loại chìa khoá điện), màu đen có dòng chữ HONDA nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy HONDA VISION, màu vàng nâu, BKS 27B2-03155 của chị D đang dựng ngoài sân mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến 19 giờ 55 phút, khi thấy Lù Văn H lên tầng 2 nhà trọ, còn Lò Văn T1 đi vào phòng tắm, N lấy chìa khoá xe cắm vào ổ khoá xe rồi nổ máy điều khiển xe thành phố L1, tỉnh L1 tìm chỗ tiêu thụ. Đến ngày 06/4/2021 thì Nguyễn Tiến N bị cơ quan điều tra - Công an thành phố L triệu tập về làm việc và thu giữ vật chứng gồm: chiếc xe máy HONDA VISION, màu vàng nâu, BKS 27B2-03155 và 01 chìa khoá xe máy (loại chìa khoá điện), màu đen có dòng chữ HONDA.

Kết luận định giá tài sản số 10/KLĐG, ngày 10/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L kết luận: 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA VISION màu vàng nâu, BKS 27B2-03155, số khung RLHJF5838LY513520, số máy JF86E0413070 có giá trị còn lại là 28.611.000 đồng (*Hai mươi tám triệu sáu trăm mười một nghìn đồng chẵn*)

Ngày 11/4/2021 Cơ quan điều tra đã trả cho chị Phan Thị D chiếc xe trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Bị hại là chị Phan Thị D trình bày: Chiếc xe HONDA VISION, màu vàng nâu, BKS 27B2-03155 là xe của chị, ngày 03/4/2021 chị đi ăn cơm cùng bạn về không thấy xe và chìa khoá xe. Nguồn gốc chiếc xe là do chị mua năm 2020 để làm phương tiện đi lại. Hiện nay chị đã nhận lại xe và chìa khoá xe nên không có yêu cầu gì.

Người làm chứng là Lù Văn H trình bày: Hợi và Lò Văn T1 là người ở cùng nhà trọ với chị Phan Thị D. Ngày 03/4/2021 có ăn cơm cùng Nguyễn Tiến N, là bạn của chị D. Sau khi ăn cơm xong khoảng 19 giờ 30 phút, cùng ngày H lên tầng 2 ngủ, còn T1 đi tắm. Đến 21 giờ chị D có hỏi Hợi “có biết ai lấy xe của chị đi đâu không”, H không biết nên đi ngủ tiếp. Đến hôm sau nghe chị D nói chuyện H mới biết chiếc xe đã mất và có nghi ngờ N là người lấy trộm xe.

Người làm chứng là Lò Văn T1 trình bày: Tôi ngày 03/4/2021 T1 có ăn cơm cùng Lù Văn H và Nguyễn Tiến N. Sau khi ăn xong Tư đi tắm. Sau đó T1 không thấy xe và chìa khoá xe của chị D, nên có nghi ngờ Nguyễn Tiến N lấy xe của chị D đi. Đến khoảng 24 giờ, chị D về có nhắn lên nhóm hỏi về việc có ai lấy xe của chị D không, lúc đó T1 đã kể lại về việc nghi ngờ N lấy xe lấy xe của chị D. Hôm sau chị D lên Công an trình báo việc mất xe.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKSTP ngày 29/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh L vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến N từ 1 đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là: 02 tháng 25 ngày. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng bị cáo Nguyễn Tiến N thể hiện việc bị cáo nhận thức được hành vi mà bị cáo thực hiện là phạm tội. Bị cáo ăn năn hối cải, đề nghị được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Hồi 19 giờ 55 phút, ngày 03/4/2021, tại nhà trọ của chị Phan Thị D ở tổ 7, phường Tân P, thành phố L, tỉnh L, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Nguyễn Tiến N đã trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA VISION, màu vàng nâu, BKS 27B2-03155 của chị Phan Thị D có trị giá là 28.611.000 (*Hai mươi tám triệu sáu trăm mười một nghìn đồng chẵn*), mục đích trộm cắp chiếc xe trên là để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, cụ thể là: Ngày 04/12/2012 bị Toà án nhân dân tỉnh L1 xử phạt 18 tháng tù về tội: Gây rối trật tự công cộng theo khoản 1 Điều 245 của Bộ luật hình sự; Ngày 30/10/2014 bị Toà án nhân dân thành phố L1, tỉnh L1 xử phạt 12 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự. Bị cáo đã được xóa án tích.

Về tình tiết tăng nặng: Bản án số: 123/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Toà án nhân dân thành phố L1, tỉnh L1 đã xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Ngày 19/01/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt. Đến ngày phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích. Là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập và không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; các Điều 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến N 18 (mười tám) tháng tù**. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 02 (hai) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 15 (mười lăm) tháng 05 (năm) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Công an TP L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THADS TP L;
- Sở tư pháp tỉnh L;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tòng Thị Tuyết

